

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VINSHARK
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VINSHARK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINSHARK SERVICE AND TRADING DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108787791

3. Ngày thành lập: 18/06/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 85 Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm Chi tiết: Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0131
2.	Trồng lúa	0111
3.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
4.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
5.	Trồng cây mía	0114
6.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
7.	Trồng cây lấy sợi	0116
8.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
9.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
10.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng cây gia vị hàng năm Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm Trồng cây hàng năm khác còn lại Trồng nho Trồng cây ăn quả vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới Trồng cam, quýt và các loại quả có múi khác Trồng táo, mận và các loại quả có hạt như táo Trồng nhãn, vải, chôm chôm	0119
11.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
12.	Trồng cây điều	0123
13.	Trồng cây hồ tiêu	0124
14.	Trồng cây cao su	0125

15.	Trồng cây cà phê	0126
16.	Trồng cây chè	0127
17.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
18.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
19.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
20.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
21.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
22.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
23.	Sản xuất rượu vang	1102
24.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
25.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	1104
26.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
27.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
28.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
29.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
30.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
31.	Sản xuất giày, dép	1520
32.	In ấn	1811
33.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
34.	Sao chép bản ghi các loại	1820
35.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác	3100
36.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa Sản xuất dụng cụ chỉnh hình, phục hồi chức năng	3250
37.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	3290
38.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
39.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
40.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
41.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
42.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315

43.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng và điều hoà không khí	3530
44.	Thoát nước và xử lý nước thải Thoát nước Xử lý nước thải	3700
45.	Xây dựng nhà để ở	4101
46.	Xây dựng nhà không để ở	4102
47.	Phá dỡ	4311
48.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
49.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
50.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
51.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
52.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
53.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
54.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
55.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đầu giá)	4512
56.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá) Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4513
57.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
58.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)	4530
59.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
60.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá)	4543
61.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác Bán buôn hoa và cây Bán buôn động vật sống Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	4620
62.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
63.	Bán buôn thực phẩm	4632
64.	Bán buôn đồ uống	4633

65.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
66.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác Bán buôn hàng may mặc	4641
67.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
68.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
69.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
70.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659(Chính)
71.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Bán buôn dầu thô Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	4661
72.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Bán buôn sắt, thép	4662
73.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
74.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4711
75.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
76.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
77.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

78.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
79.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
80.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
81.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
82.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
83.	Bốc xếp hàng hóa	5224
84.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ vận tải hàng không)	5225
85.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
86.	Chăn nuôi gia cầm	0146
87.	Chăn nuôi khác	0149
88.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
89.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
90.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
91.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
92.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
93.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
94.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
95.	Khai thác gỗ	0220
96.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
97.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
98.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
99.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
100.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Giết mổ gia súc, gia cầm Chế biến và bảo quản thịt Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt	1010
101.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh Chế biến và bảo quản thủy sản khô Chế biến và bảo quản nước mắm Chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản	1020
102.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
103.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
104.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
105.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
106.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062

107.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
108.	Sản xuất đường	1072
109.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
110.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
111.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
112.	Sản xuất chè	1076
113.	Sản xuất cà phê	1077
114.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
115.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
116.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
117.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
118.	Cơ sở lưu trú khác	5590
119.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
120.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
121.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
122.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Quán rượu, bia, quầy bar Quán cà phê, giải khát	5630
123.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
124.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
125.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất bàn ghế, giường tủ các loại	1629
126.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn setup nhà hàng Tư vấn lắp đặt thiết bị bếp	7020

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	BÙI XUÂN LẠC	Tổ 1, phố Bằng A, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.500.000.000	50,000	001082000230	
2	NGUYỄN HOÀNG THANH	Thôn An Thị, Xã Yên Bình, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	2.500.000.000	50,000	036085001064	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI XUÂN LẠC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/09/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001082000230

Ngày cấp: 19/12/2012 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, phố Bằng A, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 1, phố Bằng A, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội